

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 11 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Lợi
2. Ông Đoàn Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Mạnh T, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Nơi ở hiện nay: Xóm Đ đường K20, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19 tháng 9 năm 2019 và bản tự khai, tại các phiên hoà giải, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày: Chị và anh Hoàng Mạnh T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, vào ngày 04 tháng 9 năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, cuộc sống thường xuyên cãi vã, không thể trò chuyện, chia sẻ với nhau. Đến ngày 15/01/2013 anh T bỏ đi làm ăn nên anh chị sống ly thân từ đó

đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, nên có nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung, không có tài sản chung, không nợ gì của ai và không ai nợ vợ chồng.

Trong bản tự khai và đơn xin đề nghị xử vắng mặt, anh Hoàng Mạnh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 9 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ anh một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ ruột từ cuối năm 2012 cho đến nay nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý vì hiện nay anh cũng không còn tình cảm gì với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn từ khi thụ lý đến đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Hoàng Mạnh T; căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn anh Hoàng Mạnh T; về con chung và tài sản chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ánh N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng Mạnh T. Hiện tại, anh T đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên toà vắng mặt bị đơn anh Hoàng Mạnh T. Xét thấy, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàng Mạnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Hoàng Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện tại chị N và anh T đều thừa nhận tình cảm không còn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Tại đơn xin xử vắng mặt của anh Hoàng Mạnh T, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị N và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Chị N và anh T trình bày, quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, anh Hoàng Mạnh T

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh N. Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Hoàng Mạnh T.

3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ánh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002224 ngày 23 tháng 9 năm 2019. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà